

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 14 -11-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Thương và bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Châm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, Tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 36 ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị H; Sinh năm: 1995;
Địa chỉ: Bản M II, xã L, thị xã M, tỉnh Điện Biên; (Có mặt).
2. Bị đơn: Anh Cà Văn T; Sinh năm: 1995;
Đội 15, bản N, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/6/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lò Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh Cà Văn T kết hôn ngày 22/9/2017, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu, nhưng sau đó thì thường xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Từ đó cuộc sống gia đình ngày càng sút mẻ và không hạnh phúc. Hai vợ chồng cũng được hai bên gia đình hàn gắn nhưng không được. Đến tháng 8 năm 2018 thì hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị H thấy không thể còn

chung sống với anh T, vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện tình cảm giữa anh chị cũng không còn, chị H xin được ly hôn với anh T.

Về con: Chị H và anh T có một con chung là cháu Cà Phương L, sinh ngày 04/05/2018, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nếu ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu L, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con; Hiện chị H có thu nhập ổn định từ nghề nghiệp giáo viên đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng cháu.

Về tài sản và nợ: Chị H khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T qua đường bưu điện, qua người thân thích và niêm yết tại nơi cư trú, đã triệu tập họp lệ anh T đến tòa án để giải quyết vụ việc nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, không đến tòa án để trình bày ý kiến và tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa giải quyết vụ việc theo qui định. Tòa án tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh T được biết: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T và chị H do anh T và chị H mỗi người ở một nơi nên không thường xuyên chăm sóc, động viên, chia sẻ với nhau dẫn đến những hiểu lầm, cãi vã và không thông cảm cho nhau. Hai vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Từ cuối năm 2018 hai vợ chồng ly thân và không liên lạc gì đến nhau. Anh T đi làm thuê xa nhà, thi thoảng về vài ngày lại đi.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên khẳng định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đảm bảo đúng qui định; Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn không có mặt theo sự triệu tập của tòa án là vi phạm qui định tại khoản 16 điều 70 BLTTDS. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 điều 53, khoản 1 điều 56, điều 58, điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn với anh T và giao cháu L cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 buộc chị H chịu án phí dân sự sơ thẩm của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 13/6/2019 chị Lò Thị H nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Cà Văn T, nơi đăng ký thường trú: Đội 15, bản Nà Lôm, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị H có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 13/6/2019 chị H đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị H theo Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa chị Lò Thị H và anh Cà Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho chị H, anh T theo quy định của BLTTDS. Anh T đã vắng mặt tại các buổi làm việc của tòa án, vắng mặt tại phiên tòa đây là những căn cứ xác định vụ án không tiến hành hòa giải được theo qui định tại các khoản 1 điều 207 BLTTDS.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Cà Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào ngày 22/9/2017, các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh T không còn hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T và chị H do mỗi người ở một nơi, vợ chồng ít có thời gian gần nhau nên hiểu lầm nhau, hai vợ chồng cãi nhau, không tin tưởng nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải cho anh chị nhưng không thành. Từ tháng 8 năm 2018 hai vợ chồng ly thân và không quan tâm gì đến nhau. Nội dung này đã được ủy ban nhân dân xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên xác nhận. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc chị H cho rằng hai vợ chồng không còn hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn cãi vã, không quan tâm nhau, hiện nay đã ly thân là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định hai vợ chồng đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình của vợ và chồng. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là có cơ sở. Cho nên, cần căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị H, giải quyết cho chị H ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có một con chung là cháu Cà Phương L, sinh ngày 04/05/2018. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L vì hiện cháu còn nhỏ tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn; Hiện chị H đang làm giáo viên, có thu nhập đủ để đảm bảo chăm sóc nuôi dưỡng cháu. Chị H không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu và nguyện vọng của chị H là chính đáng, phù hợp với qui định của pháp luật, cháu L chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần giao cho mẹ cháu nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ các qui định tại điều 58, điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu L cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị H không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét

Về tài sản và nợ: Nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đ đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị H, cho ly hôn giữa chị Lò Thị H và anh Cà Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Cà Phương L, sinh ngày 04/05/2018 cho chị Lò Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động hoặc khi có sự thay đổi khác. Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0003171 ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/11/2019), đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND HDB;
- UBND xã Thanh Nưa;
- Chi cục THADS HDB;
- Tòa án tỉnh DB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Ngọc